

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

---

**NGUYỄN THỊ THANH TÚ**

**HỢP TÁC GIÁO DỤC VIỆT NAM - NHẬT BẢN**  
**Ở BẬC ĐẠI HỌC GIAI ĐOẠN 2002-2020**

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 931060101

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUỐC TẾ HỌC**

**HÀ NỘI - 2023**

**Công trình được hoàn thành tại:**  
Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn,  
Đại học Quốc gia Hà Nội

**Người hướng dẫn khoa học:** 1. PGS.TS. Phạm Hồng Thái  
2. PGS.TS. Phan Hải Linh

**Phản biện:** PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn

**Phản biện:** PGS.TS. Nguyễn Huy Hoàng

**Phản biện:** PGS.TS. Lê Hải Bình

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp ĐHQG chấm luận án tiến sĩ  
họp tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN  
vào hồi 8h30 giờ 28 ngày 10 tháng năm 2023

**Có thể tìm hiểu luận án tại:**

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thư viện và Tri thức số, Đại học Quốc gia Hà Nội

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Thanh Tú (2019), “Liên kết đào tạo quốc tế tại Viện Đào tạo quốc tế - Đại học Bách Khoa Hà Nội: thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. (64), ISBN 08663719, tr.103-109.
2. Nguyễn Thị Thanh Tú (2021). “Higher Education cooperation in the field of information Technology between Vietnam and Japan in the context of Technological Revolution 4.0, The development issues in the new situation”. *International conference proceedings*.Vol. II, ISBN 978-604-345-113-9, pp.61-80.
3. Nguyen Thi Thanh Tu (2022). “Vietnam-Japan Higher Education Cooperation in the First Two Decades of the 21st Century”. *WILAYAH: The International Journal of East Asian Studies*, VOL.11(1), ISSN 2232-0679, pp.23-33.
4. Nguyễn Thị Thanh Tú (2022). “Hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản từ 2000 đến nay”, *Tạp chí nghiên cứu Đông Bắc Á*. (7), ISBN 2354-077X, tr.23-31.
5. Nguyen Thi Thanh Tu (2022). “Factors that impact the Vietnam-Japan Cooperation in higher education”. *The first international conference on the issues of social sciences and humanities*, ISBN 978-604-9990-98-4, pp.1079-1096.
6. Nguyễn Thị Thanh Tú (2022). “ Hợp tác giáo dục đại học Việt Nam - Nhật Bản hiện nay: Cơ hội, thách thức và xu hướng trong bối cảnh mới”, *Hội thảo khoa học quốc tế văn hoá và giáo dục lần thứ 3 (ICCE2022)*, tr.629-641.

7. Nguyễn Thị Thanh Tú (2023). “ Thực trạng và triển vọng trong hợp tác giáo dục địa học Việt Nam -Nhật Bản những năm gần đây”, *Việt Nam, Nhật Bản, Hàn Quốc và vùng lãnh thổ Đài Loan trong đại dịch Covid*. Kỷ yếu hội thảo quốc tế, Viện nghiên cứu Đông Bắc Á, ISBN 978-604-364-718-1, tr. 530-542.

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục nói chung và giáo dục bậc đại học nói riêng đang được đặt ra như một nhu cầu cấp thiết đối với sự phát triển của các quốc gia, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày một sâu rộng hiện nay. Đối với các nước đang phát triển, việc hợp tác quốc tế về giáo dục đào tạo bậc đại học có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, giúp tăng cường lực lượng trẻ cho đội ngũ nghiên cứu khoa học, công nghệ, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Với các nước phát triển, hợp tác giáo dục ở bậc đại học cũng chính là quá trình chuyên giao tri thức và công nghệ vốn có, qua đó gia tăng ảnh hưởng sức mạnh mềm đến đối tác, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy những mục tiêu đa dạng khác về kinh tế, chính trị, an ninh.... Vì sinh viên là lực lượng nòng cốt trong thế hệ kế cận gánh vác tương lai của mỗi quốc gia, nên đầu tư vào giáo dục đại học có ý nghĩa quan trọng cho sự phát triển bền vững. Do vậy, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về giáo dục ở bậc đại học không chỉ tạo ra tầng lớp tinh hoa cho mỗi quốc gia, mà còn góp phần mở rộng mạng lưới liên kết, giúp tăng cường quan hệ hợp tác cùng có lợi giữa các quốc gia và trên thế giới.

Tại Việt Nam, trong số các nước đối tác được các trường đại học chú trọng mở rộng hợp tác, Nhật Bản đóng vai trò vô cùng quan trọng, với tư cách đối tác chiến lược sâu rộng. Trên thực tế, hợp tác giáo dục đại học giữa Việt Nam và Nhật Bản thời gian qua đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng: số lượng các trường đại học Việt Nam thực hiện hợp tác với đối tác ở Nhật Bản ngày càng gia tăng, lĩnh vực hợp tác được mở rộng; số lượng sinh viên hai nước tham gia các chương trình hợp tác giáo dục cấp quốc gia, địa phương và cấp trường gia tăng, chất lượng hợp tác đào tạo đầu vào, đầu ra được đánh giá chặt chẽ thông qua kiểm định, cùng các quy định xuyên suốt. Tuy nhiên, bên cạnh đó, trong quá trình triển khai hợp tác giáo dục giữa các trường đại học của Việt Nam với đối tác Nhật Bản vẫn tồn tại một số hạn chế như: quy mô hợp tác chưa xứng với tiềm năng, lĩnh vực, hình thức, nội dung hợp tác còn chưa đa dạng; việc phát huy năng lực và tri thức của sinh viên sau khi tốt nghiệp từ các chương trình hợp tác, liên kết giáo dục chưa hiệu quả, dẫn đến tình trạng chảy máu chất xám; sự chênh lệch về năng lực vận hành, quản lý các hoạt động, chương trình hợp tác khá rõ nét...

Thực tiễn trên đòi hỏi cần phải có các công trình nghiên cứu, đánh giá toàn diện thực trạng hợp tác giáo dục giữa hai nước ở bậc đại học, trong bối

cảnh quan hệ đối tác chiến lược toàn diện sâu rộng Việt Nam - Nhật Bản ngày càng được phát triển. Đặc biệt, cần đưa ra các đánh giá, dự báo triển vọng hợp tác, đề xuất hàm ý chính sách phù hợp, nhằm thúc đẩy hợp tác giáo dục bậc đại học giữa hai nước, góp phần phát triển hiệu quả hơn mối quan hệ giữa hai nước.

Qua khảo sát của tác giả luận án, mặc dù nghiên cứu về hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học đã được một số công trình nghiên cứu đề cập, nhưng việc phân tích và đánh giá vẫn dừng lại ở mức đơn lẻ từng góc độ, lĩnh vực hợp tác, hoặc phân tích chủ yếu từ góc độ chính sách, chưa có công trình nào nghiên cứu có hệ thống và toàn diện từ góc độ quốc tế học. Từ thực trạng nghiên cứu đó, tác giả mạnh dạn lựa chọn đề tài “*Hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học giai đoạn 2002-2020*” làm nội dung nghiên cứu cho luận án Tiến sĩ thuộc chuyên ngành Quốc tế học.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu**

*Mục tiêu nghiên cứu:* Luận án đặt mục tiêu tổng kết, đánh giá, làm rõ đặc điểm, thành tựu, cũng như vấn đề đặt ra trong quá trình hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học giai đoạn từ 2002 đến 2020, trong bối cảnh phát triển quan hệ Đối tác chiến lược sâu rộng giữa hai nước. Trên cơ sở dự báo triển vọng, luận án đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm góp phần thúc đẩy hợp tác giáo dục của hai nước ở bậc đại học đến năm 2030.

*Nhiệm vụ nghiên cứu*

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về hợp tác giáo dục đại học giữa Việt Nam - Nhật Bản.

- Phân tích, đánh giá thực trạng quá trình triển khai hợp tác giáo dục bậc đại học giữa Việt Nam và Nhật Bản trong bối cảnh quan hệ đối tác chiến lược giữa hai nước phát triển mạnh trong giai đoạn 2002 – 2020.

- Nhận xét về thành tựu, hạn chế, đồng thời dự báo các triển vọng trong hợp tác giáo dục bậc đại học giữa Việt Nam và Nhật Bản.

- Gợi mở một số hàm ý chính sách nhằm thúc đẩy hơn nữa hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học đến năm 2030.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- *Đối tượng nghiên cứu:* mối quan hệ hợp tác giáo dục giữa Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học

- *Phạm vi nghiên cứu:*

+ *Phạm vi nội dung:* quan hệ hợp tác giáo dục của Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học dưới góc độ tiếp cận từ phía Việt Nam.

+ *Phạm vi không gian:* hai nước Việt Nam và Nhật Bản.

+ *Phạm vi thời gian*: luận án lựa chọn khoảng thời gian từ 2002 - 2020 là giai đoạn mà quan hệ giữa Việt Nam và Nhật Bản có những bước thay đổi về chất cũng như về lượng, từ đối tác tin cậy, ổn định lâu dài (2002-2009) chuyển thành quan hệ đối tác chiến lược sâu rộng (2010-2020). Phân dự báo và hàm ý chính sách giới hạn thời gian đến năm 2030.

#### **4. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu và khung lý thuyết của luận án**

Luận án sử dụng kết hợp cách tiếp cận quốc tế học với tiếp cận sử học, khu vực học và tiếp cận liên ngành để phân tích, lý giải những vấn đề mang tính tổng hợp.

Các phương pháp nghiên cứu chủ yếu được áp dụng trong luận án gồm: phương pháp lịch sử và phương pháp logic; phương pháp so sánh đối chiếu; phương pháp thu thập thông tin (bao gồm tư liệu gốc và thứ cấp); phương pháp phân tích và tổng hợp; phương pháp thống kê của khoa học xã hội; phương pháp phân tích SWOT và tiếp cận ba cấp độ của quốc tế học.

Đặc biệt, luận án sử dụng một số luận điểm lý thuyết trong quan hệ quốc tế như: Thuyết chủ nghĩa hiện thực; Chủ nghĩa kiến tạo; Chủ nghĩa tự do.

#### **5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án**

##### *Ý nghĩa lý luận của luận án*

Luận án góp phần hệ thống hóa và làm sáng tỏ cơ sở lý luận về hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học, đồng thời làm rõ cơ sở hình thành mối quan hệ hợp tác, vai trò, hình thức hợp tác và các nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ hợp tác giáo dục giữa hai nước ở bậc đại học, cũng như tác động qua lại của hợp tác giáo dục đào tạo ở bậc đại học và quan hệ song phương nói chung.

##### *Ý nghĩa thực tiễn của luận án*

Kết quả nghiên cứu của luận án sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích đối với các nhà hoạch định chính sách, các trường đại học, các nhà quản lý, các nhà nghiên cứu, giảng viên và sinh viên, những người có nhu cầu tìm hiểu về quan hệ hợp tác giữa Việt Nam - Nhật Bản nói chung và quan hệ hợp tác giáo dục ở bậc đại học nói riêng.

#### **6. Cấu trúc của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, bảng biểu, Luận án gồm 4 chương:

**Chương 1:** Tổng quan tình hình nghiên cứu về hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học;

**Chương 2:** Cơ sở lý luận và thực tiễn của hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học

**Chương 3:** Thực trạng hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học giai đoạn 2002 - 2020

**Chương 4:** Hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học giai đoạn 2021-2030: Đánh giá triển vọng và hàm ý chính sách.



# **Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ HỢP TÁC GIÁO DỤC VIỆT NAM - NHẬT BẢN Ở BẬC ĐẠI HỌC**

## **1.1. Các công trình nghiên cứu về cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học**

### ***1.1.1. Các công trình nghiên cứu về cơ sở lý luận của hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học***

Nghiên cứu về hợp tác giáo dục và giáo dục đại học là mảng đề tài được nhiều học giả trong và ngoài nước quan tâm và có nhiều công trình có giá trị. Đặc biệt đã có không ít các công trình bàn về cơ sở lý luận của hợp tác giáo dục đại học ở các khía cạnh như: khái niệm, nội dung, ý nghĩa cũng như vai trò của hợp tác giáo dục đại học, các chính sách của hợp tác giáo dục, cơ sở hình thành, điều kiện hợp tác giáo dục bậc đại học, các yếu tố tác động đến việc hợp tác trong giáo dục đại học. Tiêu biểu gồm: Jane Knight (2003) với *GATS, Trade and Higher Education, Perspectives 2003: Where Are We*, Jane Knight (2006a) với *Higher Education Crossing Borders: A Guide to the Implications of the General Agreement on Trade in Services (GATS) for Cross-border Education*, Jane Knight (2007) với *Cross-border higher education issues and implications for quality assurance and accreditation*; Briller và Ly Pham (2008) với *Quốc tế hóa hay không quốc tế hóa? Một bước đi quan trọng cho các trường đại học Việt Nam*; Jamil Salmi (2008) với *Những thách thức trong việc xây dựng trường ĐHĐCQT*; Kenneth King (2009) với *Higher Education and International Cooperation: The role of academic collaboration in the developing world* và Gu Jianxin (2009) với *Transnational education: Current developments and policy implications*”, *Frontiers of Education in China*; John Chetro-Szivos (2010) là *Cross-border Tertiary Education: The Challenges and Opportunities for Intercultural Understanding*; của Barnita Bagchi và các cộng sự (2014) là *Connecting Histories of Education: Transnational and Cross-Cultural Exchanges in (Post-) Colonial Education*, Jica (2003) với *Giáo dục đại học- cách tiếp cận có tính hiệu quả đối với vấn đề phát triển* (開発課題に対する効果的アプローチ・高等教育), Vik Naidoo (2006) với *International education: A tertiary-level industry update*, Ichiro Fujiyama (2010) với *Phát triển hợp tác giáo dục đại học và hình thành thể chế quốc tế*

ở Đông Á (東アジア地域における高等教育協力の展開と国際レジーム形成), Nghiêm Đình Vi (2003) với *Một số nét về sự hợp tác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo giữa Việt Nam và Nhật Bản*; Hoàng Minh Lợi (2013) với *Hợp tác Việt Nam - Nhật Bản trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực*; Trần Mỹ Hoa (2016) là *Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản trong lĩnh vực giáo dục những năm gần đây*; Lê Thị Viên Anh (2019) với *Hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản từ 2002 đến 2018*; Chuman Ai (2019) với *Vấn đề xung quanh du học sinh và du học sinh tự phí, thực trạng hợp tác giáo dục đại học Nhật Bản ở Việt Nam* (ベトナムにおける日本の大学の協力状況・国費留学生・留学生を巡る問題), Knight (2005b) với *Cross Border Education: Not Just Students*, Tariq Al-Sindi và các cộng sự (2016) là *Quality Assurance of Cross-border Higher Education*, Wilkins Stephen (2018) có *The management of transnational higher education*, Heffernan Troy và các cộng sự (2018) với *Transnational higher education*, Christopher John Ziguras và Grant McBurnie (2015) với *Governing Cross-Border Higher Education*; Xu, D. (2019) với *Analysis of the Current Situation of Cross-Border Higher Education in the Background of Internationalization*, Omori Fujio (2005) có *Toàn cầu hóa và tình trạng giáo dục đại học xuyên biên giới - Phân tích trường hợp về việc mở rộng ra nước ngoài của các trường đại học ở Vương quốc Anh và Úc* (国境を越える高等教育に見るグローバル化と国家—英国及び豪州の大学の海外進出の事例分)

### **1.1.2. Các công trình nghiên cứu cơ sở thực tiễn quan hệ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản giai đoạn 2002 - 2020**

Bàn về cơ sở thực tiễn quan hệ hợp tác giáo dục giữa Việt Nam và Nhật Bản nói chung và bậc đại học nói riêng là vấn đề được đề cập trong khá nhiều nghiên cứu của học giả trong và ngoài nước. Có thể chia các công trình này thành hai nhóm vấn đề chính: nghiên cứu về cơ sở hình thành quan hệ hợp tác nói chung và hợp tác giáo dục đại học nói riêng; và nghiên cứu về cơ sở quan hệ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản. Các công trình tiêu biểu cho nhóm đầu gồm: Wendy W. Y. Chan (2004) với *International Cooperation in Education: Theory and Practice*, Jane Knight (2007) với *Cross-border higher education issues and implications for quality assurance and accreditation*, Gu Jianxin (2009) với *Transnational education: Current developments and policy implications*; Abdulrahman Al-Youbi và các cộng

sự (2020) có *Successful Global Collaborations in Higher Education Institutions...* Tiêu biểu cho nhóm thứ hai có Masumi Shimamura (2005) với *Vai trò của lực lượng đặc nhiệm ODA địa phương và ý nghĩa của việc hợp tác viện trợ đã tham gia tích cực vào các thể chế và chính sách của Nhật Bản tại Việt Nam* (ベトナムにおける日本の制度・政策への能動関与: 現地 ODAタスクフォースが果たした役割、援助協調の意味とは); Fumihiko Okiura (2014) với *Phân tích Toàn diện về Hỗ trợ Phát triển Chính thức thông qua JICA trong Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ khuôn khổ P2M* (P2M フレームワークから見たベトナムにおける JICA による ODA 事業 の現状と課題); Masaya Shiraishi (2014) với *Đối tác chiến lược giữa Nhật Bản và Việt Nam: Bối cảnh và triển vọng* (日本・ベトナム間の「戦略的パートナーシップ」: その経緯と展望); Nomura Setsuo (2020) với *Hiện tại và quá khứ của quan hệ Việt Nam Nhật Bản* (日本・ベトナム関係の過去と現在); Tadahiro Ishihara (2015) với *Hợp tác kinh tế của Nhật Bản đối với Việt Nam và Campuchia nhìn từ góc độ lợi ích quốc gia và quốc tế* (日本の対ベトナム、カンボジア経済協力: 国益と国際益の視点から)...

## **1.2. Các công trình nghiên cứu đề cập đến thực tiễn quan hệ hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học**

Số lượng nghiên cứu trực tiếp đề cập đến thực tiễn quan hệ hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản chưa nhiều. Liên quan đến vấn đề này có Nghiêm Đình Vĩ (2003) với *Một số nét về sự hợp tác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo giữa Việt Nam và Nhật Bản*; Nguyễn Văn Khánh (chủ biên) (2006) với *Quan hệ văn hóa, giáo dục Việt Nam - Nhật Bản và 100 năm phong trào Đông Du*; Ngô Hương Lan (2008) là *Hợp tác giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực giữa Việt Nam và Nhật Bản*; Hoàng Minh Lợi (2013) với *Hợp tác Việt Nam - Nhật Bản trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực*; Trần Mỹ Hoa (2016) với *Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản trong lĩnh vực giáo dục những năm gần*; Lê Thị Viên Anh (2019) là *Hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản từ 2002 đến 2018*; Chuman Ai (2019) với *Vấn đề xung quanh du học sinh và du học sinh tự phí, thực trạng hợp tác giáo dục đại học Nhật Bản ở Việt Nam* (ベトナムにおける日本の大学の協力状況・国費留学生・留学生を巡る問題); Kuroda Norihiro (2005) với *Triển vọng trong nghiên cứu hợp tác giáo dục*

*quốc tế ở Nhật Bản* (日本における国際教育協力研究の展開); Yasuo Saito (2009) với *Nghiên cứu điều tra liên quan đến hợp tác giáo dục quốc tế của Nhật Bản 2006 -2008* (わが国の国際教育協力の在り方に関する調査研究); Nobuko Kayashima (2018) với *Hợp tác giáo dục quốc tế của Nhật Bản: thực trạng và triển vọng* (日本の国際教育協力の歴史的変遷と展望); Nobuko Kayashima và Kazuo Kuroda (2019) với *Hợp tác giáo dục quốc tế của Nhật Bản: thực trạng và triển vọng* (日本の国際教育協力: 歴史と展望); Sekiguchi Yohei (2014) với *Chiến lược ứng phó phát triển quốc tế hóa giáo dục đại học Việt Nam trong hệ thống kinh tế thị trường* (ベトナム高等教育における国際化の展開—市場経済体制下での戦略的対応); Jetro ((2021) có *Khảo sát khả năng hợp tác giữa các trường đại học trong nước tại Việt Nam và các công ty Nhật Bản: Các trường đại học lớn của Việt Nam có thành tích hợp tác với Nhật Bản và các nghiên cứu điển hình về sự hợp tác*(ベトナムの地方大学と日本企業等との連携可能性に関する調査~日本との連携実績のあるベトナム主要大学および連携事例集)...

### **1.3. Đánh giá của các nhà nghiên cứu về hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học**

Các nghiên cứu trên đã phản ánh và đưa ra đánh giá về tình hình hợp tác giáo dục quốc tế nói chung và hợp tác giáo dục đại học Việt Nam - Nhật Bản nói riêng trong từng giai đoạn nhất định. Tetsuro Saisho (2010), trên cơ sở nghiên cứu thực địa và xem xét các vấn đề về giáo dục tiếng Nhật, phát triển nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam, đã chỉ ra khả năng mở rộng hợp tác và cải thiện những vấn đề còn tồn tại trong giảng dạy tiếng Nhật tại Việt Nam [Tetsuro Saisho, 2010, tr. 32]. Kohei Yamamoto xem xét vấn đề cụ thể là hợp tác thông qua cơ chế đạt được ưu thế trong quản lý trường dạy tiếng Nhật ở các cơ sở giáo dục tiếng Nhật có số lượng người học tiếng Nhật ngày càng tăng. Sakai Junichiro (2018) trong báo cáo về chuyến thăm 11 cơ sở và tổ chức giao lưu quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội từ ngày 14 tháng 2 đến ngày 23 tháng 2 năm 2017, đã đưa ra các đánh giá chi tiết về từng cơ sở. Đặc biệt, Sekiguchi Yohei (2014) đã đề cao việc Việt Nam thực hiện các biện pháp chiến lược trong hợp tác giáo dục đại học với Nhật Bản, trong khuôn khổ cơ chế kinh tế thị trường, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đại học, đẩy mạnh quốc tế hóa giáo dục, từ đó tăng cường hợp tác quốc tế bên ngoài lĩnh vực giáo dục.

Một số học giả Việt Nam cũng đưa ra các quan điểm tương đồng với các các học giả và tổ chức của Nhật Bản khi đánh giá tích cực về quan hệ hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản nói chung và hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học nói riêng.

#### **1.4. Đánh giá tình hình nghiên cứu**

*Một số kết quả của các công trình nghiên cứu mà luận án kế thừa*

*Thứ nhất*, về mặt lý luận, quan niệm về hợp tác giáo dục quốc tế đã được mỗi học giả đưa ra từ góc độ tiếp cận riêng. Về cơ bản nhiều học giả có sự tương đồng trong cách hiểu về hợp tác giáo dục quốc tế. *Thứ hai*, cơ sở hình thành hợp tác giáo dục giữa Việt Nam và Nhật Bản đã được đề cập đến trong một số công trình nghiên cứu. Đây là cơ sở lý luận chung mà luận án có thể kế thừa để từ đó tìm hiểu cơ sở hình thành hợp tác giáo dục giữa Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học nói riêng. *Thứ ba*, các yếu tố ảnh hưởng đến việc hợp tác giáo dục quốc tế ở bậc đại học đã được đề cập tới ở mức độ khác nhau tùy theo góc độ nghiên cứu, có nghiên cứu đã đề cập đến nhân tố bên trong và nhân tố bên ngoài ảnh hưởng đến hợp tác giáo dục giữa Việt Nam - Nhật Bản. Đây cũng là những tài liệu rất hữu ích mà tác giả luận án có thể tham khảo và kế thừa. *Thứ tư*, các học giả Nhật Bản và Việt Nam đều có những đánh giá tích cực về triển vọng quan hệ hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản nói chung và quan hệ hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học nói riêng. Một số học giả có lưu ý thêm những khó khăn, thách thức mà việc hợp tác có thể gặp phải, tình trạng chưa khai thác hết tiềm năng hợp tác.

*Những vấn đề còn tranh cãi, chưa có sự thống nhất và khoảng trống nghiên cứu mà luận án sẽ tập trung luận giải*

*Thứ nhất*, nội hàm của thuật ngữ hợp tác giáo dục đại học giữa hai quốc gia chưa được làm rõ. Các nghiên cứu đã công bố mới chỉ đề cập đến khái niệm hợp tác giáo dục quốc tế nói chung. Đặc biệt, chưa có công trình nào phân tích sâu về nội hàm hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học. Đây là khoảng trống nghiên cứu mà luận án sẽ làm rõ. *Thứ hai*, cơ sở hình thành hợp tác giáo dục quốc tế nói chung đã được nghiên cứu nhưng cơ sở hình thành hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học lại chưa được đề cập trực tiếp. Do đó, nội dung này cũng là khoảng trống nghiên cứu mà luận án sẽ làm rõ. *Thứ ba*, tuy vai trò, ý nghĩa của việc hợp tác giáo dục quốc tế ở bậc đại học đã được đề cập đến ở các mức độ khác nhau, nhưng vai trò, ý nghĩa của việc hợp tác giáo dục quốc tế ở bậc đại học giữa Việt Nam và

Nhật Bản chưa được phân tích một cách hệ thống và cụ thể. Vì vậy, đây cũng là khoảng trống nghiên cứu mà luận án sẽ làm rõ. *Thứ tư*, nội dung và hình thức hợp tác giáo dục quốc tế ở bậc đại học đã được quan tâm với nhiều góc độ tiếp cận nghiên cứu khác nhau, song chưa có nghiên cứu nào đề cập đến nội dung và hình thức hợp tác giáo dục ở bậc đại học giữa Việt Nam - Nhật Bản, đặc biệt là trong giai đoạn 2002-2020. Đây là vấn đề mà luận án muốn làm rõ. *Thứ năm*, các yếu tố ảnh hưởng đến việc hợp tác giáo dục quốc tế đã được đề cập, trong đó có nghiên cứu phân tích về nhân tố bên trong và bên ngoài ảnh hưởng đến hợp tác giáo dục giữa Việt Nam - Nhật Bản. Tuy nhiên, các nghiên cứu đó chưa đi sâu vào hợp tác giáo dục ở bậc đại học, chưa chỉ ra những đặc điểm, đặc thù của lĩnh vực hợp tác này. Luận án sẽ làm rõ vấn đề này để làm cơ sở cho phân tích về những hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế đó trong hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản. *Thứ sáu*, về tổng thể, quan hệ hợp tác song phương giữa Việt Nam và Nhật Bản đã được phân tích, đặc biệt là mối quan hệ song phương trong 50 năm qua trên các lĩnh vực: kinh tế - xã hội, văn hóa, chính trị, an ninh, quốc phòng... Tuy nhiên, các nghiên cứu một cách hệ thống và chuyên sâu về quan hệ hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực giáo dục còn tương đối ít. Đặc biệt, chưa có nghiên cứu nào sử dụng cách tiếp cận quốc tế học để đánh giá về hợp tác giáo dục, đào tạo ở bậc đại học giữa hai nước, đặc biệt là đặt quá trình hợp tác giáo dục, đào tạo trong bối cảnh quan hệ đối tác chiến lược giữa hai nước có những bước phát triển sâu rộng giai đoạn 2002-2020. Đây là khoảng trống lớn nhất trong nghiên cứu đi trước mà nghiên cứu sinh mong muốn giải quyết trong phạm vi luận án này.

## **Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA HỢP TÁC GIÁO DỤC VIỆT NAM - NHẬT BẢN Ở BẬC ĐẠI HỌC**

### **2.1. Cơ sở lý luận của hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học**

#### **2.1.1. Một số khái niệm cơ bản**

*Khái niệm hợp tác quốc tế*: là sự tương tác quốc tế giữa những người hoặc các nhóm người đại diện cho nhiều quốc gia, dân tộc trong việc theo đuổi một mục tiêu hoặc lợi ích chung; hoặc là một nhóm các hành động và/hoặc nguồn lực được trao đổi giữa những người thực hiện từ nhiều quốc

gia khác nhau, hoặc tự nguyện hoặc phục vụ cho mục tiêu và chiến lược của họ [Lương Văn Thắng, 2020, tr. 36].

*Khái niệm quốc tế hóa giáo dục đại học:* là quá trình hội nhập quốc tế, văn hóa trên toàn cầu, nhằm mở rộng các mục tiêu, chức năng và phân bổ nguồn lực trong giáo dục.

*Khái niệm hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục ở bậc đại học:* là việc hợp tác đào tạo giữa cơ sở giáo dục đại học giữa các quốc gia theo các hình thức đã được quy định tại Luật giáo dục đại học Việt Nam năm 2018 nhằm thúc đẩy phát triển chất lượng và số lượng giáo dục đại học.

### **2.1.2. Cơ sở hình thành quan hệ hợp tác giáo dục quốc tế ở bậc đại học**

Để hình thành quan hệ hợp tác giáo dục quốc tế ở bậc đại học, cơ sở *đầu tiên* là quan hệ hợp tác quốc tế (quan hệ ngoại giao), ở mức độ cao nhất là giữa các quốc gia với nhau, ở mức độ thấp hơn là sự tương tác quốc tế giữa những người hoặc các nhóm người đại diện cho nhiều quốc gia, dân tộc trong việc theo đuổi một mục tiêu hoặc lợi ích chung; hoặc là một nhóm các hành động và/hoặc nguồn lực được trao đổi giữa những người thực hiện từ nhiều quốc gia khác nhau, hoặc tự nguyện hoặc phục vụ cho mục tiêu và chiến lược của họ. Thông qua quan hệ quốc tế, mà cụ thể là quan hệ ngoại giao, các văn bản hợp tác trong lĩnh vực giáo dục ở bậc đại học được thiết lập sẽ là cơ sở và tiền đề cần thiết cho việc tổ chức thực hiện được hoạt động hợp tác. *Thứ hai*, từ quan hệ ngoại giao, các quốc gia xác định nhu cầu quan hệ hợp tác trong lĩnh vực giáo dục ở các cấp độ như nhà nước, địa phương, tổ chức, cá nhân. *Thứ ba*, các quốc gia sau khi xác định được nhu cầu, mục tiêu, mục đích của việc hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục, từng nước sẽ xây dựng hệ thống chính sách, luật định riêng làm cơ sở cho hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này. Khung và văn bản pháp lý về quan hệ hợp tác trong lĩnh vực giáo dục nói chung và hợp tác giáo dục quốc tế ở bậc đại học nói riêng là cơ sở để thực thi hoạt động hợp tác giáo dục quốc tế ở bậc đại học.

### **2.1.3. Các hình thức hợp tác giáo dục quốc tế ở bậc đại học**

Hình thức hợp tác giáo dục quốc tế bậc đại học rất đa dạng và phong phú cũng như có nhiều các phân chia khác nhau, đặc biệt trong bối cảnh nó ngày càng phát triển như ngày nay. Nghiên cứu của Mariia M. Kiselova và các cộng sự (2020) đã chỉ ra rằng, thực tiễn hợp tác quốc tế giữa các cơ sở

giáo dục đại học phổ biến nhất dưới các hình thức: trao đổi quốc tế giữa các cơ sở giáo dục đại học (sinh viên), giảng viên (nhà giáo), nhà khoa học; tổ chức hội thảo, tọa đàm bàn tròn, hội nghị chuyên đề; trao đổi thông tin, dữ liệu về nâng cao hiệu quả của quá trình giáo dục. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của quốc tế hóa trong giáo dục cũng như yêu cầu thay đổi để phù hợp với điều kiện thực tế nên có thể thấy các hình thức hợp tác quốc tế bậc đại học được liệt kê là chưa đầy đủ và sẽ còn được cập nhật liên tục [Mariia M. Kiselova và các cộng sự, 2020, tr. 356]. Ở Việt Nam, theo *Luật Giáo dục đại học* đã chỉ ra khá nhiều hình thức hợp tác giáo dục quốc tế, gồm: “1. Liên kết đào tạo. 2). Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam. 3). Hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học. 4). Tư vấn, tài trợ, đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị. 5). Bồi dưỡng, trao đổi giảng viên, nghiên cứu viên, cán bộ quản lý và người học. 6). Liên kết thư viện, trao đổi thông tin phục vụ hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ; cung ứng chương trình đào tạo; trao đổi các ấn phẩm, tài liệu và kết quả hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ. 7). Tham gia các tổ chức giáo dục, khoa học, hội nghề nghiệp khu vực và quốc tế. 8). Mở văn phòng đại diện cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam ở nước ngoài. 9). Các hình thức hợp tác khác theo quy định của pháp luật” [Quốc hội, 2018].

#### ***2.1.4. Vai trò, ý nghĩa của hợp tác giáo dục quốc tế bậc đại học***

Ở cấp độ các trường đại học, việc hợp tác quốc tế mang lại nhiều lợi ích đối với sự phát triển của các trường đào tạo quốc tế nói riêng và nền giáo dục đại học của các quốc gia nói chung. Hợp tác quốc tế có một vai trò cốt yếu và không thể thiếu trong tiến trình thành lập những trường đại học được kỳ vọng là đáp ứng những chuẩn mực quốc tế, xu hướng này chắc chắn sẽ ngày càng mạnh mẽ trong thời đại toàn cầu hóa. Đối với những trường được thành lập mới, hợp tác quốc tế với những trường đại học nước ngoài đã có uy tín và kinh nghiệm lâu đời có thể giúp xây dựng ngay từ đầu một thiết chế vận hành với cơ chế quản trị, chương trình đào tạo và hệ thống nhân sự nhằm bảo đảm chất lượng và duy trì năng lực cạnh tranh [E.C. Subbarao, 2008, tr.3]. Đồng thời, việc hợp tác quốc tế giúp các trường đại học có thêm cơ hội, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, cập nhật sự tiến bộ khoa học thông qua các chương trình nghiên cứu chung, liên kết với các đối tác nước ngoài để xây dựng các chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế và đổi mới trong phương pháp giảng dạy, từ đó đẩy



mạnh phát triển tri thức giữa các quốc gia; nghiên cứu những vấn đề chung đang đặt ra cho quốc gia và quốc tế; hoạt động vì tiến bộ xã hội; đánh giá cao sự đa dạng văn hóa và dân tộc của một quốc gia, qua đó duy trì ổn định an ninh quốc tế và những quan hệ hòa bình [Jamil Salmi, 2008].

*Ở cấp độ quốc gia, thứ nhất*, hợp tác giáo dục quốc tế bậc đại học đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng năng lực giáo dục của quốc gia và nâng cao năng lực hiểu biết lẫn nhau giữa các nền văn hóa. Việc chia sẻ kiến thức ở quy mô toàn cầu có thể ảnh hưởng tích cực đến tiến bộ xã hội và kinh tế trong một quốc gia, góp phần dịch chuyển từ xã hội công nghiệp sang xã hội tri thức. *Thứ hai* hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học góp phần gia tăng sự cạnh tranh trong cung cấp dịch vụ giáo dục bậc đại học, nâng cao chất lượng giáo dục đại học của quốc gia, góp phần tăng trưởng kinh tế, đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu ngày càng cao của cá nhân. Ngoài ra, hợp tác quốc tế giáo dục bậc đại học còn giúp cải thiện xã hội bằng cách thông qua các chương trình hợp tác nghiên cứu ở các trường đại học, giúp sinh viên giảng viên có cơ hội to lớn trong việc tiếp cận nhanh chóng với nguồn tri thức quốc tế khổng lồ từ đó thúc đẩy nền giáo dục mới, gia tăng nguồn nhân lực và đóng góp quốc tế ở các trường đại học, thúc đẩy quốc tế hóa trong thời kì toàn cầu hóa hiện nay [Shimojō Takatsugu, 2002]. *Thứ ba*, hợp tác giáo dục quốc tế bậc đại học là một chương trình hợp tác xuyên quốc gia cùng với vị thế của giáo dục nó giúp khẳng định được vai trò của nền giáo dục nước này không chỉ trong khu vực mà còn vươn tầm ra ngoài thế giới, góp phần đánh giá về sự bình đẳng trong giáo dục giữa các nước.

*Ở cấp độ liên quốc gia, thứ nhất*, hợp tác giáo dục quốc tế bậc đại học cũng góp phần thúc đẩy hòa bình và hiểu biết liên văn hóa, phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu và đổi mới. *Thứ hai*, hợp tác quốc tế trong giáo dục bậc đại học đem lại nhiều lợi ích cho các bên trong lĩnh vực hợp tác. *Thứ ba*, qua hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học, các nước đã không ngừng nỗ lực để giảm bớt sự bất bình đẳng trong giáo dục cũng như sự mất cân bằng về kỹ năng của các lực lượng lao động và thị trường lao động, thông qua việc hợp tác có thể điều chỉnh và cải thiện vấn đề này [Donchenko V, 2015, tr. 131-140].

## **2.2. Cơ sở thực tiễn của quan hệ hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học**

### **2.2.1. Các nhân tố bên trong ảnh hưởng đến hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học**

*Các nhân tố ảnh hưởng từ phía Nhật Bản đến hợp tác giáo dục giữa Việt Nam và Nhật Bản ở bậc đại học*

*Thứ nhất*, Nhật Bản là quốc gia có trình độ phát triển khoa học, giáo dục tiên tiến. *Thứ hai*, các cơ sở giáo dục đại học của Nhật Bản có nhu cầu cao về mở rộng hợp tác quốc tế để phát triển trong bối cảnh già hoá dân số trong nước ngày một trầm trọng. *Thứ ba*, hợp tác quốc tế về giáo dục nói chung và giáo dục bậc đại học nói riêng là một trong những hướng đi có tính chiến lược của Nhật Bản nhằm tăng cường hợp tác quốc tế. Hợp tác quốc tế về giáo dục và quốc tế hóa giáo dục là công cụ để Nhật Bản gia tăng sức mạnh mềm và ảnh hưởng mềm của Nhật Bản trên trường quốc tế, nhất là đối với khu vực Đông Nam Á, trong đó Việt Nam là một trong những trọng tâm. Nhật Bản gia tăng hợp tác giáo dục đào tạo quốc tế còn đáp ứng nhu cầu mở rộng ảnh hưởng, tạo nền tảng nhân lực để hợp tác phát triển kinh tế, chính trị... với các quốc gia khác, nhất là với các nước Đông Nam Á. *Thứ tư*, thông qua việc hợp tác giáo dục đại học cho thấy động cơ của Nhật Bản là gia tăng sức mạnh của nước lớn thông qua ngoại giao văn hóa là công cụ chính trị.

*Các nhân tố ảnh hưởng từ phía Việt Nam đến hợp tác giáo dục giữa Việt Nam và Nhật Bản ở bậc đại học*

*Thứ nhất*, công cuộc phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam đang đặt ra yêu cầu tăng cường hội nhập quốc tế, tiếp thu những kinh nghiệm phát triển, những thành tựu về khoa học công nghệ tiên tiến của thế giới. *Thứ hai*, nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ngày một trở lên cấp bách, đòi hỏi giáo dục bậc đại học của Việt Nam không chỉ tăng cường năng lực nội tại trong nước mà rất cần mở rộng hợp tác quốc tế. *Thứ ba*, Nhật Bản là một trong những đối tác chiến lược hàng đầu, có vị thế quan trọng đối với sự phát triển của Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực. Để phát huy hết tiềm năng hợp tác giữa hai nước, nhu cầu về đào tạo nguồn nhân lực thích ứng đang đặt ra mạnh mẽ. Vì vậy, việc hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học là tất yếu, giúp tạo lập nguồn nhân lực Việt Nam không những giỏi kỹ năng nghề mà còn giỏi cả tiếng Nhật

để tiếp tục hợp tác với Nhật Bản trên các lĩnh vực khác như: kinh tế, thương mại, văn hoá, an ninh, quốc phòng...

#### *Sự phát triển của quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Nhật Bản*

Thập niên 2010 - 2020 là giai đoạn quan hệ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản tiếp tục không ngừng được mở rộng, nâng cấp và ngày càng đi vào chiều sâu. Trên cơ sở đó, sự hợp tác Việt Nam - Nhật Bản về giáo dục ở bậc đại học tiếp tục có thêm nhiều điều kiện thuận lợi để tiếp tục phát triển ở tầm cao mới.

#### **2.2.2. Các nhân tố bên ngoài ảnh hưởng đến quan hệ hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học**

##### *Xu hướng cạnh tranh trong thị trường giáo dục đại học quốc tế*

Xu hướng đẩy mạnh hợp tác giáo dục của thế giới và khu vực trong giai đoạn 2002-2020 có tác động tích cực đối với mỗi quốc gia trong việc tăng cường các hoạt động hợp tác giáo dục quốc tế bậc đại học. Không ít các nghiên cứu chỉ ra rằng: Nâng cao nhận thức về vai trò quan trọng của hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng năng lực quốc gia và tăng cường năng lực hợp tác giữa các nền văn hóa. Các nhà khoa học cho rằng chia sẻ tri thức ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế xã hội thông qua sự gia tăng dân số trí thức. Toàn cầu hóa, chuyển đổi sang nền kinh tế tri thức và quốc tế hóa các cơ sở giáo dục đòi hỏi sự nỗ lực hợp tác quốc tế [Chetro Szivos J, 2010]

##### *Toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế và sự phát triển của khoa học công nghệ với cách mạng công nghiệp 4.0*

Nhu cầu và khả năng phục vụ cho nền giáo dục quốc tế của các thể hệ công dân toàn cầu đã góp phần tác động tích cực, thúc đẩy hợp tác giáo dục quốc tế bậc đại học ở nhiều nước trên thế giới. Trong quan hệ Việt Nam - Nhật Bản, xét dưới góc độ giáo dục, cả hai nước đều đẩy mạnh quốc tế hóa giáo dục như là điều kiện cần thiết cho mỗi quốc gia đối mặt với tình hình trong và ngoài nước. Đồng thời, mỗi quan hệ giáo dục Việt Nam - Nhật Bản cũng được thắt chặt hơn bởi các tuyên bố chung, các chương trình hợp tác cấp chính phủ, trở thành kim chỉ nam cho quan hệ song phương, khiến việc hỗ trợ nhau trong giáo dục trở thành quyền lợi và trách nhiệm quốc tế của mỗi bên.

#### **Tiểu kết chương 2**

## **Chương 3. THỰC TRẠNG HỢP TÁC GIÁO DỤC VIỆT NAM - NHẬT BẢN Ở BẬC ĐẠI HỌC GIAI ĐOẠN 2002-2020**

### **3.1. Hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học giai đoạn 2002 - 2009**

#### ***3.1.1. Chính sách hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học giai đoạn 2002 - 2009***

Về phía Nhật Bản, những chính sách có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất tới quá trình hợp tác quốc tế về giáo dục của Nhật Bản giai đoạn này cần được kể đến như: *Sáng kiến Giáo dục cơ bản cho tăng trưởng* (Basic Education for Growth Initiative) do Bộ Ngoại giao Nhật khởi xướng, tháng 6/2002; Báo cáo cuối cùng tháng 7/2002 từ Hội nghị bàn tròn hợp tác giáo dục quốc tế; Sáng kiến tổ chức Diễn đàn hợp tác giáo dục quốc tế Nhật Bản thường niên từ năm 2004; *Sáng kiến Cửa ngõ Châu Á* năm 2007 (Asian Gateway Initiative); Kế hoạch tiếp nhận 300.000 sinh viên nước ngoài tháng 1/2008; Sáng kiến tạo điều kiện thuận lợi cho nghiên cứu chung quốc tế với các nước đang phát triển theo chương trình ODA được đưa ra vào tháng 4 năm 2008.

Về phía Việt Nam, bước vào thế kỷ XXI cũng là thời gian nhà nước có nhiều quyết sách quan trọng cho quá trình tiếp tục đổi mới phát triển đất nước, trong đó đổi mới về giáo dục được coi là có vai trò quan trọng then chốt. Trong Hiến pháp cũng như các nghị quyết của Đảng trong thời gian này đều quán triệt quan điểm coi giáo dục là quốc sách hàng đầu. Trên tinh thần đó, tháng 11/2001, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt *Chiến lược phát triển giáo dục 2001- 2010* xác định những mục tiêu chiến lược của phát triển giáo dục trong giai đoạn này. Năm 2005, Việt Nam ban hành Luật giáo dục mới, tạo nên khuôn khổ pháp lý vững chắc cho quá trình phát triển giáo dục cũng như hoạt động hợp tác quốc tế của các cơ sở giáo dục và các trường đại học.

#### ***3.1.2. Kết quả của hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học giai đoạn 2002 - 2009***

Các chính sách như vừa nêu trên đã trở thành khuôn khổ pháp lý quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động triển khai hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học giai đoạn 2002-2009 gắn với các mốc

hợp tác trong quan hệ ngoại giao song phương. *Thứ nhất*, hợp tác giáo dục đại học Việt Nam - Nhật Bản đã diễn ra với nhiều hình thức đa dạng. *Thứ hai*, hợp tác giáo dục đại học Việt Nam - Nhật Bản diễn ra ở quy mô giữa các cơ sở đào tạo đại học với nhau và giữa các cơ sở đào tạo đại học với các doanh nghiệp. *Thứ ba*, hợp tác giáo dục đại học Việt Nam - Nhật Bản giai đoạn 2002-2009 chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực kinh tế, y khoa, công nghệ, môi trường, quản trị nhân sự. Đây là những lĩnh vực mà Nhật Bản phát triển mạnh và có nhiều kinh nghiệm trong đào tạo, quản lý. Ví dụ tiêu biểu về hợp tác trong giai đoạn này là Chương trình hợp tác giữa Đại học Kobe và Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2002 trong các lĩnh vực: Công nghệ sinh học, Công nghệ môi trường, Nông học, chăn nuôi thú y. Trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh đã phối hợp với các đối tác từ các trường Đại học Kyushu, Đại học Kobe tổ chức một số hội nghị quốc tế về Công nghệ sinh học (năm 2004 và 2006), hội nghị quốc tế về Công nghệ sạch (2007), tổ chức nhiều đợt nghiên cứu về tình hình ô nhiễm và các tác động của chất thải công nghiệp lên sinh khối ở Đồng bằng Sông Cửu Long và các tỉnh Đông Nam Bộ; ký kết hợp đồng tài trợ học bổng sau đại học ngành chăn nuôi thú y với Công ty Friden - Nhật.

### **3.2. Hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học giai đoạn 2010 - 2020**

#### ***3.2.1. Chính sách hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học giai đoạn 2010 - 2020***

Về phía Nhật Bản, cùng với việc tiếp tục triển khai thực hiện những chính sách hợp tác giáo dục của giai đoạn trước như Dự án Global 30 bắt đầu vào năm 2009 trong phạm vi triển khai Sáng kiến Cửa ngõ Châu Á, Chính phủ Nhật Bản công bố *Chính sách hợp tác giáo dục 2011-2015* (教育協力政策 2011-2015) năm 2010. Ngoài ra, chính phủ Nhật Bản có chính sách hỗ trợ các trường đại học đang phát triển và thực hiện các chương trình trao đổi sinh viên quốc tế với các trường đại học đối tác ở nước ngoài được chỉ định nhằm gia tăng số lượng trao đổi sinh viên thông qua các chương trình đảm bảo chất lượng này, đồng thời tăng cường sự hiểu biết và hợp tác lẫn nhau thông qua việc phát triển và thực hiện các chương trình giáo dục với các trường đại học đối tác ở nước ngoài. Đó là chính sách *Dự án trao đổi giữa các trường đại học* (The Inter-University Exchange Project) được

đưa ra từ năm 2011 được MEXT đưa ra nhằm hỗ trợ nuôi dưỡng nguồn nhân lực toàn cầu có mục tiêu làm việc trên trường quốc tế và tăng cường sự phát triển toàn cầu của giáo dục đại học đồng thời đảm bảo chất lượng giáo dục đại học<sup>1</sup>. Điểm đặc biệt quan trọng của *Dự án trao đổi giữa các trường đại học* là đảm bảo chất lượng được nhấn mạnh khi thiết lập các chương trình trao đổi sinh viên. Trong đó, đặc biệt chú trọng đến hệ thống chuyên đổi tín chỉ và hệ thống kiểm định khi thúc đẩy sự di chuyển của sinh viên quốc tế. Điều quan trọng hơn là chương trình này liên quan đến việc củng cố các cam kết của chính phủ được thực hiện thông qua ngoại giao cấp cao.

Về phía Việt Nam, trong giai đoạn 2010-2020, Nhà nước đã ban hành một số chính sách thúc đẩy hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học như: Luật Giáo dục đại học năm 2012; Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014; Văn bản hợp nhất Luật Giáo dục năm 2015; Luật Giáo dục năm 2019; Quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 17/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010-2020; Tuyên bố chung Việt Nam - Nhật Bản năm 2014 có một số nội dung về hợp tác giáo dục; Quyết định 1186/QĐ-TTg ngày 21/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập trường Đại học Việt - Nhật trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội.

### ***3.2.2. Kết quả của việc hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học giai đoạn 2010 - 2020***

Chính sách khuyến khích hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học của Nhật Bản và Việt Nam đã góp phần thúc đẩy sự hợp tác giáo dục đại học Việt Nam - Nhật Bản giai đoạn 2010-2020, đưa hợp tác giáo dục bậc đại học giữa Việt Nam - Nhật Bản chuyển sang một giai đoạn mới, hợp tác sâu và rộng, quan hệ đối tác chiến lược, đồng thời khẳng định hơn nữa vai trò và vị thế của Việt Nam đối với Nhật Bản và ngược lại. *Thứ nhất*, về hình thức hợp tác, ngoài 6 hình thức hợp tác như giai đoạn 2002-2009, giai đoạn 2010 - 2020, hợp tác giáo dục đại học Việt Nam - Nhật Bản có thêm hình thức liên kết đào tạo và mở văn phòng đại diện cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam ở Nhật Bản. *Thứ hai*, về quy mô, hợp tác giáo dục đại học Việt Nam - Nhật Bản đã được nâng tầm ở cấp quốc gia với việc Trường đại học Việt Nhật là trường đại học thành viên của Đại học Quốc gia Hà Nội, được thành lập theo Quyết

---

<sup>1</sup>Xem: “The Inter-University Exchange Project” tại địa chỉ <https://www.jsps.go.jp/english/etenkairyoku/index.html>

định 1186/QĐ-TTg ngày 21/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam. Trường đại học Việt - Nhật ra đời dựa trên ý tưởng của lãnh đạo cấp cao của hai nước Việt Nam và Nhật Bản, phát triển theo mô hình đại học nghiên cứu, tập trung vào hai lĩnh vực công nghệ kỹ thuật tiên tiến và khoa học liên ngành. Ở quy mô hợp tác cấp trường đại học, tính đến năm 2020 số lượng cơ sở giáo dục đại học Nhật Bản có hợp tác đào tạo với cơ sở giáo dục đại học Việt Nam đã tăng lên con số 32 cơ sở (tăng gấp hơn 3 lần so với năm 2009) gồm các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam hợp tác với cơ sở giáo dục đại học Nhật Bản tập trung ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Huế và Đà Nẵng. Do quy mô hợp tác ngày càng mở rộng nên số lượng người Việt Nam du học tại Nhật Bản đã tăng hơn 14 lần trong giai đoạn 2010 - 2018 lên khoảng 72.354 người, chiếm gần 1/4 số sinh viên quốc tế tại Nhật Bản, đứng thứ hai trên thế giới (chỉ sau sinh viên Trung Quốc) và đứng đầu khu vực Đông Nam Á. *Thứ ba*, về lĩnh vực hợp tác, hợp tác giáo dục đại học Việt Nam - Nhật Bản giai đoạn 2010-2020 được thực hiện ở các lĩnh vực như: kinh tế, đào tạo nguồn nhân lực khoa học - công nghệ, xây dựng, điều dưỡng, môi trường, giao thông vận tải, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp. Các lĩnh vực hợp tác nêu trên tận dụng thế mạnh về khoa học công nghệ tiên tiến của Nhật Bản, kết hợp với nhu cầu và nguồn nhân lực của phía Việt Nam, nhằm đạt được các mục tiêu trong hợp tác quốc tế của cả hai phía. Đồng thời, qua hợp tác giáo dục đại học giúp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để tiếp quản và chuyển giao những công nghệ tiên tiến của Nhật Bản cho Việt Nam, cũng như đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có thể đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động Nhật Bản và toàn cầu.

### **3.3. Nhận xét quá trình hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học giai đoạn 2002 - 2020**

#### **3.3.1. Những thành tựu đã đạt được**

*Thứ nhất* là về hiệu quả của hợp tác thể hiện qua việc đạt được những mục tiêu đề ra trong chính sách: Từ góc độ Nhật Bản, hợp tác giáo dục bậc đại học giúp Nhật Bản nâng cao uy tín, tạo được ảnh hưởng trong giới trí thức trẻ của Việt Nam. Từ góc độ của Việt Nam, nhiều mục tiêu của chính sách hợp tác giáo dục quốc tế bậc đại học nói chung và hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học nói riêng đã đạt được.

*Thứ hai* là về mức độ và tốc độ phát triển của quan hệ hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học giai đoạn 2002-2020: tốc độ này đã gia tăng nhanh chóng so với giai đoạn trước đó và thể hiện xu hướng tiếp tục gia tăng.

*Thứ ba* là về quy mô và chất lượng hợp tác của quan hệ hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học giai đoạn 2002-2020: các dự án hợp tác được mở rộng và nâng cao về số lượng và chất lượng.

*Thứ tư* là về vai trò của các chính sách và biện pháp đã triển khai trong quan hệ hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học giai đoạn 2002-2020: chính sách của hai nước đã được cải thiện và cập nhật nhanh chóng tạo điều kiện khuyến khích các hoạt động hợp tác.

*Thứ năm* là về các loại hình chủ thể hợp tác chủ yếu của quan hệ hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học giai đoạn 2002-2020: chủ thể hợp tác được mở rộng và đa dạng hóa.

### **3.3.2. Những hạn chế còn tồn tại**

*Thứ nhất*, quy mô hợp tác và lĩnh vực hợp tác còn khiêm tốn so với nhu cầu thực tế.

*Thứ hai* là hình thức, nội dung hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học còn bị hạn chế, nhất là do sự khác biệt về hệ thống của hai nước.

*Thứ ba*, Việt Nam chưa khai thác hết khả năng hợp tác giữa hai quốc gia.

### **3.3.3. Nguyên nhân của thành công và hạn chế**

*Nguyên nhân của thành công*

*Thứ nhất* hợp tác giáo dục giữa Việt Nam và Nhật Bản đã được thực hiện trong khi Việt Nam đang thực hiện đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo.

*Thứ hai*, Chính phủ hai nước Việt Nam và Nhật Bản đã rất chú trọng tới quan hệ hợp tác trong lĩnh vực giáo dục.

*Thứ ba*, hợp tác giáo dục thúc đẩy sự phát triển mối quan hệ song phương và ngược lại.

*Nguyên nhân của hạn chế*

*Thứ nhất*, chính sách hợp tác giáo dục giữa Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học còn hạn chế.

*Thứ hai*, rào cản ngôn ngữ khi cả tiếng Nhật và tiếng Việt đều là ngôn ngữ khó học

## **Tiểu kết chương 3**



## **Chương 4. HỢP TÁC GIÁO DỤC VIỆT NAM - NHẬT BẢN Ở BẬC ĐẠI HỌC GIAI ĐOẠN 2021 - 2030: TRIỂN VỌNG VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH**

### **4.1. Triển vọng hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học giai đoạn 2021 - 2030**

#### **4.2.1. Cơ hội hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học**

*Quan hệ ngoại giao giữa hai nước phát triển ở cấp độ đối tác chiến lược sâu rộng*

Những năm qua, quan hệ chính trị giữa hai bên luôn được củng cố và mở rộng, ngày càng đi vào thực chất. Trên nền tảng quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, trong bối cảnh tình hình quốc tế mới, quan hệ Việt Nam - Nhật Bản đã phát triển mạnh mẽ, toàn diện và thực chất trên tất cả các lĩnh vực, như chính trị - ngoại giao, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh... Điều này đã tạo ra những cơ hội phát triển quan hệ hợp tác giáo dục đại học Việt Nam - Nhật Bản giai đoạn 2010-2020 và sẽ tiếp tục mở ra những cơ hội mới thúc đẩy quan hệ hợp tác giáo dục đại học Việt Nam - Nhật Bản giai đoạn 2021-2025 phát triển thêm một tầm cao mới.

*Các chương trình hợp tác mà Chính phủ Việt Nam và Nhật Bản đã thống nhất*

Với hàng loạt chương trình hợp tác phát triển giáo dục đã được kí kết giữa chính phủ hai nước Việt Nam và Nhật Bản đang còn hiệu lực thực thi, trong thời gian tới, hoạt động hợp tác giáo dục đại học giữa Việt Nam và Nhật Bản tiếp tục được thực hiện theo các thoả thuận, cam kết đó. Ngoài ra, từ năm 2021, Nhật Bản tiếp tục ký kết và thực hiện các chương trình hợp tác để nâng cấp 04 trường đại học của Việt Nam trở thành trường đại học có chất lượng cao, bao gồm: Đại học Cần Thơ, Đại học Đà Nẵng, Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học Nông nghiệp Hà Nội mở ra nhiều hơn nữa cơ hội tiếp tục thúc đẩy quan hệ hợp tác giáo dục đại học Việt Nam - Nhật Bản giai đoạn 2021-2025 phát triển thêm một tầm cao mới.

*Việt Nam - Nhật Bản có nhiều nét tương đồng trong văn hóa truyền thống*

Sự gần gũi về văn hóa, lịch sử đã trở thành một nền tảng quan trọng cho mối quan hệ ngày càng gắn bó và tin cậy giữa hai nước, có thể coi là một

trong những nền tảng cơ bản đảm bảo triển vọng phát triển hợp tác giáo dục đại học giữa Việt Nam - Nhật Bản trong giai đoạn 2021-2030.

#### ***4.1.2. Thách thức trong hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học***

*Thứ nhất*, chất lượng giáo dục đại học Việt Nam còn nhiều khoảng cách với giáo dục đại học Nhật Bản. *Thứ hai*, cơ sở vật chất và hệ thống thông tin liên lạc của các trường đại học Việt Nam còn yếu kém hơn so với Nhật Bản. *Thứ ba*, năng lực quản lý giáo dục xuyên quốc gia của Việt Nam còn yếu.

#### ***4.1.3. Xu hướng hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học***

Tổng hợp các yếu tố tác động đến quan hệ hợp tác giáo dục đại học Việt Nam - Nhật Bản từ: bối cảnh thuận lợi và khó khăn, thời cơ và thách thức mới cho việc thúc đẩy quan hệ hợp tác, xét về triển vọng hợp tác giáo dục giữa Việt Nam và Nhật Bản, chúng ta có thể thấy được, dù vẫn còn một số khó khăn, cản trở, song quan hệ hợp tác vẫn có nhiều triển vọng phát triển trong tương lai.

### **4.2. Hàm ý chính sách thúc đẩy hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học giai đoạn 2021 - 2023**

#### ***4.2.1. Nhóm giải pháp về chính sách***

##### ***Hoàn thiện hệ thống chính sách của Việt Nam trong hợp tác giáo dục đại học nói riêng và với phía đối tác Nhật Bản nói chung***

*Thứ nhất*, Việt Nam cần hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về quản lý giáo dục đại học theo hướng coi các cơ sở giáo dục đại học là những thực thể pháp nhân có quyền tự chủ cao. *Thứ hai*, Việt Nam cần hoàn thiện chiến lược và các chính sách phát triển giáo dục đại học trong đó có liên kết hợp tác quốc tế. *Thứ ba*, Việt Nam cần xây dựng và hoàn thiện chính sách theo cơ chế phát huy nội lực, khuyến khích tự chủ trong hoạt động giảng dạy, quản lý tài chính của các trường đại học. *Thứ tư*, Việt Nam cần hoàn thiện cơ chế quản lý thu đổi ngoại tệ với dự án đào tạo quốc tế đảm bảo tính hợp pháp nhằm đảm bảo quyền lợi của các giảng viên phía Nhật Bản được cử sang giảng dạy, trao đổi chuyên môn ở Việt Nam. *Thứ năm*, Việt Nam cần tăng cường hợp tác quốc tế giữa Bộ giáo dục và Đào tạo với các cơ quan hữu quan của Nhật Bản như: MEXT, chính phủ Nhật Bản, JICA...

### ***Đẩy mạnh hợp tác giáo dục đại học có định hướng của Nhà nước***

*Trước hết*, cả Việt Nam và Nhật Bản cần tăng cường thực thi hiệu quả chính sách khuyến khích các trường đại học Nhật Bản mở cơ sở đào tạo hoặc liên kết đào tạo với các trường đại học ở Việt Nam và ngược lại. *Thứ hai*, cả Việt Nam và Nhật Bản cần xây dựng những cơ chế và phương pháp giám sát, đánh giá tính hiện đại của tri thức và công nghệ được giảng dạy ở các trường đại học. *Thứ ba*, Việt Nam và Nhật Bản (nhất là Việt Nam) cần giao quyền tự chủ quản lý cho các trường đại học, song vẫn đảm bảo hiệu quả hiện đại có sự định hướng từ Nhà nước. *Thứ tư*, Việt Nam cần tăng chỉ tiêu đào tạo ở Nhật Bản bằng ngân sách Nhà nước song song với các nguồn học bổng khác như từ phía chính phủ Nhật Bản, các quỹ đầu tư... cho các trường đại học trọng điểm. *Thứ năm*, Việt Nam cần xây dựng khung pháp lý và thể chế đồng bộ, tạo môi trường pháp lý và tâm lý xã hội thuận lợi để có thể vận dụng cơ chế thị trường trong giáo dục đại học cũng như liên kết hợp tác đào tạo quốc tế ở bậc đại học. *Thứ sáu*, Việt Nam cần xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan về quản lý nhà nước. *Thứ bảy*, xây dựng đồng bộ và kịp thời ban hành các văn bản pháp lý về giáo dục và liên kết hợp tác quốc tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường và toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. *Thứ tám*, triển khai rộng rãi hợp tác nghiên cứu giữa các cơ quan nghiên cứu và các trường đại học của Việt Nam và Nhật Bản với sự hỗ trợ tài chính của chính phủ và các quỹ khác, học bổng của các doanh nghiệp Việt Nam - Nhật Bản. *Thứ chín*, xây dựng một cơ chế giao lưu nghiên cứu như: phía Nhật Bản mời các nhà khoa học Việt Nam sang nghiên cứu và giảng dạy tại các trường đại học. *Thứ mười*, đối với vấn đề học bổng, bên cạnh nguồn học bổng của Chính phủ hai nước cũng như các quỹ và doanh nghiệp cần tìm hiểu thêm các nguồn tài trợ khác để thúc đẩy giao lưu sinh viên giữa hai nước. *Cuối cùng*, cả Việt Nam và Nhật Bản cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong hợp tác giáo dục giữa các trường đại học của hai nước.

#### ***4.2.2. Nhóm giải pháp đối với các chủ thể tham gia quan hệ hợp tác***

***Đối với chủ thể ở cấp độ quốc gia:*** cần tiếp tục củng cố, tăng cường một cách hiệu quả hơn quan hệ Đối tác chiến lược sâu rộng giữa hai nước.

***Đối với chủ thể ở cấp độ tổ chức (trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp)***

*Cải thiện năng lực quản lý giáo dục xuyên quốc gia của Việt Nam.*

Các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp của Việt Nam cần cải thiện năng lực của những người làm công tác quản lý, theo như điều 16 của Luật Giáo dục quy định vai trò và trách nhiệm của người làm công tác quản lý giáo dục.

Tăng cường các kế hoạch, chương trình hợp tác của các trường đại học Việt Nam - Nhật Bản trong liên kết đào tạo quốc tế và hướng tới quốc tế hóa giáo dục đại học.

*Đối với các trường đại học phía Việt Nam:* nâng cao năng lực về đàm phán hợp tác quốc tế, đa phương hóa đa dạng hóa các loại hình hợp tác và các chương trình liên kết với đối tác nước ngoài, đổi mới cơ chế hợp tác, xây dựng cơ chế hợp tác, xây dựng các hoạt động hợp tác với cơ chế chuyên sâu trong nghiên cứu khoa học và đào tạo, tiếp tục củng cố và hợp tác phát triển các dự án song phương giữa hai quốc gia, giữa các trường với trường đại học đối tác ở Nhật Bản.

*Đối với đối tác là phía các trường đại học của Nhật Bản:* Các đối tác này cần thường xuyên cung cấp cho các trường đại học phía Việt Nam những giáo trình và chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn quốc tế hoặc theo tiêu chuẩn Nhật Bản; hỗ trợ công tác chuyên môn và quản lý giảng dạy thông qua trao đổi và hỗ trợ chuyên môn đối với nhân viên, giảng viên; đưa các giảng viên giàu kinh nghiệm giảng dạy chuyên môn và quốc tế sang giảng dạy.

*Hợp tác phát triển nguồn nhân lực trình độ cao:* ngoài các chương trình liên kết đào tạo giữa đại học, cần mở rộng hơn nữa hình thức trao đổi giao lưu giữa các trường đại học với doanh nghiệp thông qua đối tác là trường đại học liên kết, cử cán bộ sang tham quan và học tập, xây dựng nhiều hơn nữa các trung tâm hợp tác phát triển nguồn nhân lực.

*Khắc phục rào cản ngôn ngữ*

*Thứ nhất,* các trường đại học, Viện nghiên cứu, doanh nghiệp Việt Nam và Nhật Bản cần tăng cường việc giảng dạy tiếng Nhật cho người Việt và tiếng Việt cho người Nhật.

*Thứ hai,* các trường đại học, Viện nghiên cứu, doanh nghiệp Việt Nam và Nhật Bản cần tổ chức nhiều cuộc thi học thuật, nghiên cứu về ngôn ngữ, văn hóa Nhật Bản và Việt Nam hay về quan hệ giữa hai nước để khuyến khích sinh viên thể hiện kỹ năng cũng như mở mang kiến thức, và chương trình này sẽ trở thành cầu nối cho mối quan hệ Việt Nam - Nhật Bản hiện nay và trong tương lai.

**Tiểu kết chương 4**

## KẾT LUẬN

1. Hợp tác Việt Nam - Nhật Bản về giáo dục ở bậc đại học từ năm 2002 đến 2020 là quá trình hợp tác văn hóa - giáo dục song phương có tốc độ phát triển nhanh và kết quả tích cực nhờ diễn ra trong bối cảnh sự phát triển nhanh chóng của quan hệ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản từ mức độ Đối tác lên Đối tác tin cậy, ổn định lâu dài, rồi Đối tác chiến lược sâu rộng.

Có thể thấy sự hợp tác Việt Nam và Nhật Bản trong lĩnh vực giáo dục ở bậc đại học giai đoạn 2002 - 2020 đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đem lại nhiều lợi ích mong muốn cho mỗi bên. Trong đó, đối với Việt Nam, việc hợp tác giáo dục đại học với Nhật Bản đã đóng góp vào nâng cao năng lực đào tạo của các cơ sở, các trường đại học của Việt Nam và góp phần đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam. Còn đối với Nhật Bản, việc hợp tác giáo dục đại học với Việt Nam đã giúp Nhật Bản từng bước đạt được mục tiêu chiến lược của mình trong cạnh tranh ảnh hưởng trong khu vực với Trung Quốc, đặc biệt là tại vùng Đông Á và Đông Nam Á.

Bên cạnh đó, hợp tác song phương trong lĩnh vực này vẫn tồn tại những hạn chế cần khắc phục như: quy mô hợp tác và lĩnh vực hợp tác (chuyên ngành đào tạo) còn hạn hẹp; hình thức, nội dung hợp tác cũng chưa thật sự đa dạng, phong phú. Do đó, xét theo góc độ của phía Việt Nam, Việt Nam chưa khai thác được hết tối đa lợi ích của việc hợp tác.

2. Một trong những đặc điểm nổi bật của quá trình triển khai hợp tác Việt Nam - Nhật Bản về giáo dục ở bậc đại học là cả hai bên đều nỗ lực cải thiện chính sách và hệ thống thực thi nhằm phù hợp với hoàn cảnh cụ thể và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước. Hệ thống chính sách của mỗi nước cũng như những nguyên tắc thỏa thuận song phương trong lĩnh vực này đã trở thành khung khổ pháp lý, định hướng cho sự phát triển hợp tác thuận lợi và gắn bó chặt chẽ với nhu cầu thực tiễn.

3. Sự phân tích quá trình triển khai hợp tác Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học trong giai đoạn này cũng cho thấy tác động qua lại giữa hợp tác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo với hợp tác song phương nói chung. Một mặt, chính nhờ sự phát triển nhanh chóng, sâu rộng của quan hệ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản trong giai đoạn này là điều kiện quan trọng, tạo ra bối cảnh thuận lợi thúc đẩy quá trình hợp tác giáo dục giữa hai bên. Điều này được thấy rõ

hơn khi quá trình hợp tác Việt Nam - Nhật Bản về giáo dục ở bậc đại học từ năm 2002 đến 2020 bao gồm hai giai đoạn nhỏ hơn đánh dấu bằng việc hai nước nâng tầm quan hệ từ “Đối tác tin cậy, ổn định lâu dài lên Đối tác chiến lược sâu rộng” vào cuối năm 2009. Mặt khác, sự phát triển nhanh chóng của quá trình hợp tác song phương về giáo dục ở bậc đại học với những kết quả to lớn trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và những thành quả về trao đổi nhân sự, hợp tác nghiên cứu đã góp phần tạo điều kiện thúc đẩy sự tiến triển của hợp tác song phương trên các lĩnh vực khác.

4. Trên cơ sở phân tích theo logic SWOT, chỉ những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức, luận án chỉ ra xu hướng phát triển tiếp tục và những triển vọng lạc quan cho sự hợp tác song phương trong lĩnh vực giáo dục ở bậc đại học. Đó là việc hợp tác giáo dục Việt Nam - Nhật Bản ở bậc đại học sẽ tiếp tục phát triển cả về quy mô hợp tác, lĩnh vực hợp tác và nội dung hợp tác; các chính sách giáo dục đại học của Việt Nam và Nhật Bản ngày càng có xu hướng khuyến khích hợp tác quốc tế nói chung và hợp tác song phương Việt Nam - Nhật Bản nói riêng.

5. Cũng trên cơ sở những kết quả rút ra từ sự phân tích, làm rõ thành tựu và hạn chế của quá trình hợp tác song phương Việt Nam - Nhật Bản về giáo dục ở bậc đại học thời gian vừa qua cũng như chỉ ra những cơ hội và thách thức của sự hợp tác này trong thời gian tới kết hợp với những mục tiêu đề ra trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam đến năm 2030, Luận án đã đưa ra những hàm ý chính sách nhằm tăng cường hơn nữa chất lượng hợp tác Việt Nam - Nhật Bản về giáo dục ở bậc đại học trong thời gian tới gồm: ***nhóm giải pháp về chính sách*** (Hoàn thiện hệ thống chính sách của Việt Nam trong hợp tác giáo dục đại học nói riêng và với phía đối tác Nhật Bản nói chung; Đẩy mạnh hợp tác giáo dục đại học có định hướng của Nhà nước) và ***nhóm giải pháp đối với các chủ thể*** gồm: đối với chủ thể ở cấp độ quốc gia: cần tiếp tục củng cố, tăng cường hơn nữa quan hệ đối tác chiến lược sâu rộng Việt Nam - Nhật Bản; đối với chủ thể ở cấp độ tổ chức (Trường đại học, Viện Nghiên cứu, Doanh nghiệp): cải thiện năng lực quản lý giáo dục xuyên quốc gia của Việt Nam; tăng cường các kế hoạch, chương trình hợp tác của các trường đại học Việt Nam - Nhật Bản trong liên kết đào tạo quốc tế và hướng tới quốc tế hóa giáo dục đại học; khắc phục rào cản ngôn ngữ.